

**Chính sách Dân tộc
&
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC**

**NHỮNG KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU
TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 30a
CỦA CHÍNH PHỦ Ở HUYỆN NAM TRÀ MY,
TỈNH QUẢNG NAM**

Nam Trà My là một huyện miền núi cao của tỉnh Quảng Nam, có trên 24.000 người, thuộc nhiều dân tộc: Xê-đăng, Mơ-nông, Kinh và các dân tộc khác. Trước ngày tái lập huyện (01/8/2003), điều kiện kinh tế - xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nơi đây còn thấp; sản xuất chủ yếu là nương rẫy, thu nhập bấp bênh. Nghề thủ công đã xuất hiện khá lâu nhưng chỉ mang tính chất gia đình.

Thực hiện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2009-2020, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai Nghị quyết này cho cán bộ cốt cán của các ban ngành, đoàn thể ở huyện và các xã. Đồng thời, huyện cũng thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án giảm nghèo nhanh và bền vững cấp huyện, xây dựng đề án giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2009-2020.

1. Kết quả thực hiện đề án năm 2009-2010

1.1. Công tác kế hoạch và phân bổ vốn năm 2009

1.1.1. Công tác kế hoạch

Năm 2009 là năm triển khai lập, thẩm định và trình phê duyệt Đề án giảm nghèo của huyện. Theo đó, đối với các chính sách hiện hành, tiếp tục thực hiện theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đầu năm; đối với các chính sách đặc thù theo Nghị quyết 30a, huyện triển khai thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được duyệt. Đồng thời, huyện đang chỉ đạo khẩn trương điều tra, lập kế hoạch cơ sở để tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch giảm nghèo năm 2010 của huyện theo quy định.

1.1.2. Phân bổ vốn

Kinh phí sự nghiệp thực hiện chính sách giảm nghèo: tỉnh đã tạm ứng cho huyện số tiền 3.230 triệu đồng. Huyện đã phân bổ, giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc.

1.2. Kết quả thực hiện đề án năm 2009

1.2.1. Về cơ sở hạ tầng

Bằng nguồn vốn hỗ trợ theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP và lồng ghép với nhiều nguồn vốn khác, huyện đã triển khai xây dựng 16 công trình các loại. Dự kiến năng lực đầu tư tăng thêm gồm: 10.138 km đường giao thông nông thôn loại A về các thôn (gồm cả cầu cống); hoàn thành đưa vào sử dụng 7 công trình thủy lợi, đáp ứng việc tưới tiêu cho khoảng 59 ha lúa nước;

đưa vào sử dụng 29 phòng học và 7 phòng ở giáo viên, học sinh.

1.2.2. Phát triển sản xuất

Huyện đã hỗ trợ cho 300 hộ nghèo có định hướng phát triển chăn nuôi; hỗ trợ 10 tấn lúa giống, 5.000 cây giống Sâm Ngọc Linh; tổ chức tập huấn các phương pháp, kỹ năng sản xuất mới cho 510 cán bộ và nhân dân các xã; khai hoang 5 ha ruộng lúa nước, phục hoá 2 ha; giao khoán 7.966 ha rừng cho các hộ dân.

1.2.3. Đào tạo

Hiện nay huyện đang đào tạo nghề may dân dụng cho 30 lao động người dân tộc thiểu số; đang đào tạo, duy trì và phát triển nghề dệt thổ cẩm cho khoảng 30 lao động phụ nữ; hỗ trợ thêm cho 43 em học sinh hệ cử tuyển của huyện đang theo học tại các trường

1.3. Phân bổ vốn năm 2010

Vốn theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP năm 2010 gồm 4.620 tỷ đồng. Trong đó: hỗ trợ khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, trồng rừng sản xuất, khai hoang, phục hoá chuyển đổi giống cây trồng, con vật nuôi có giá trị kinh tế cao; hỗ trợ hộ nghèo làm chuồng trại, trồng lúa rẫy xen canh đậu xanh, thâm canh cây lúa nước, sản xuất rau quả; hỗ trợ 1 suất cán bộ khuyến nông, lâm thôn bản, xúc tiến thương mại; hỗ trợ học sinh cử tuyển, đào tạo nghề tại chỗ; đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở; chính sách đối với cán bộ luân chuyển; hỗ trợ vật tư, thuốc thú y cho xã, vật tư, thuốc bảo vệ thực vật; lắp đặt TV-parabol tại các thôn, xóm; tuyên truyền nâng cao nhận thức pháp

luật; hỗ trợ công tác khám chữa bệnh cho người nghèo tại xã; hỗ trợ tiêm phòng vắc - xin viêm gan B; đóng bàn nghề cho ngành giáo dục. Dự toán năm 2010 còn lại chưa phân rã - 500 triệu đồng.

2. Đánh giá kết quả

2.1. Tích cực

Việc triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo trên địa bàn huyện Nam Trà My bước đầu đã có những kết quả nhất định; nhiều công trình hạ tầng cơ sở hoàn thành đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và dân sinh; các chính sách hỗ trợ đều thiết thực, trực tiếp đến tay người dân góp phần nâng cao nhận thức, cải thiện chất lượng đời sống, nâng cao thu nhập; nâng cao sự tin tưởng của nhân dân vào các chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước.

2.2. Hạn chế

- Việc triển khai thực hiện Đề án gặp nhiều lúng túng, từ khâu phân bổ kinh phí, tổ chức phối hợp thực hiện đến công tác kiểm tra, giám sát.

- Khối lượng công việc chủ yếu tập trung vào các cơ quan, ban ngành của huyện nên nhiều lúc gây ra tình trạng quá tải, chậm trễ tiến độ.

- Việc triển khai một số nội dung Đề án, nhất là các nguồn vốn sự nghiệp còn mang tính thụ động, tự phát, các cơ quan chức năng chưa chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các hạng mục công trình theo Đề án đã được phê duyệt.

Văn Nam Thắng